

Số: 01 /2017/QĐ-UBND

Vinh Yên, ngày 25 tháng 01 năm 2017

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng xe ô tô của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**

## UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí số 44/2013/QH13 ngày 26/11/2013;*

*Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2008;*

*Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 3/6/2009 của Chính phủ “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản”; Nghị định số 04/2016/NĐ-CP ngày 06/01/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 3/6/2009;*

*Căn cứ Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 4/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty TNHH một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;*

*Căn cứ Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính “Quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định 52/2009/NĐ-CP ngày 3/6/2009 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 159/2015/TT-BTC ngày 15/10/2015 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều của Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 4/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty TNHH một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;*

*Căn cứ Quyết định số 2802/QĐ-UBND ngày 13/10/2014 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc V/v quy định chủng loại, số lượng xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, đơn vị thuộc địa phương quản lý;*

*Căn cứ Công văn số 891.1-CV/TU ngày 06/01/2017 của Tỉnh ủy Vĩnh Phúc về việc xin ý kiến ban hành Quy chế quản lý, sử dụng xe ô tô trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc;*

*Căn cứ Báo cáo số 23/BC-STP ngày 29/01/2016 của Sở Tư Pháp Báo cáo kết quả thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật;*



Căn cứ ý kiến thống nhất tại Hội nghị giao ban lãnh đạo UBND tỉnh ngày 18/10/2016;

Căn cứ ý kiến thống nhất của các thành viên UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 735/TTr-HCSN ngày 10/10/2016.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, sử dụng xe ô tô của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện.

Thủ trưởng các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập, Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ sử dụng xe ô tô trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc có trách nhiệm triển khai thực hiện đúng các quy định của Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập, Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
  - Văn phòng Chính phủ;
  - Website Chính phủ;
  - Bộ Tài chính (b/c);
  - Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
  - TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh (b/c);
  - Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
  - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
  - CVCP;
  - Các đơn vị dự toán thuộc NS tỉnh;
  - Kho bạc Nhà nước tỉnh;
  - UBND các huyện, thành phố, thị xã;
  - CVNCTH;
  - Lưu: VT.
- (H- 95 b). *m*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Duy Thành



**QUY CHẾ**

**Quy chế quản lý, sử dụng xe ô tô của các cơ quan nhà nước,  
đơn vị sự nghiệp công lập, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do  
nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 01 /2017/QĐ-UBND ngày 25/01/2017  
của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)*

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.**

1. Quy chế này quy định về chế độ quản lý sử dụng phương tiện đi lại là xe ô tô; chế độ khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác trong cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị), Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi chung là Ban Quản lý dự án) và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây gọi chung là công ty nhà nước) trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Xe ô tô thuộc phạm vi điều chỉnh tại Quy chế này bao gồm xe từ 4 đến 16 chỗ ngồi, xe ô tô chuyên dùng được hình thành từ các nguồn như sau:

- a) Xe ô tô được mua sắm từ các nguồn kinh phí:
- Nguồn kinh phí được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao trong dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị;
  - Nguồn kinh phí từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định;
  - Nguồn vốn thuộc các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước về trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, nguồn hỗ trợ chính thức ODA, vốn vay ưu đãi, nguồn viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước;
  - Nguồn vốn của công ty nhà nước.

b) Xe ô tô do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước viện trợ, biếu, tặng cho và các hình thức xác lập quyền sở hữu của Nhà nước khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 2. Nguyên tắc trang bị, bố trí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác.**



1. Căn cứ tiêu chuẩn, định mức quy định các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án và công ty nhà nước bố trí xe ô tô phục vụ công tác theo đúng quy định tại Quy chế này.

2. Trường hợp một cán bộ giữ nhiều chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô thì được áp dụng tiêu chuẩn sử dụng xe theo chức danh cao nhất. Khi người tiền nhiệm nghỉ hưu hoặc chuyển công tác khác mà xe ô tô đã trang bị chưa đủ điều kiện thay thế theo quy định tại Khoản 5 Điều này thì người mới được bổ nhiệm tiếp tục sử dụng xe ô tô đã trang bị cho người tiền nhiệm, không trang bị xe mới.

3. Nghiêm cấm việc sử dụng xe ô tô quy định tại Quy chế này vào việc riêng; bán, trao đổi, tặng cho, cho mượn, cầm cố, thế chấp hoặc điều chuyển cho bất cứ tổ chức, cá nhân nào khi chưa được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Giá mua xe ô tô theo Quy chế này là giá mua đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật; chưa bao gồm lệ phí trước bạ, lệ phí cấp biển số xe, phí bảo hiểm, phí đăng kiểm, phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe. Trường hợp xe ô tô được miễn các loại thuế thì phải tính đủ số thuế được miễn để xác định tiêu chuẩn, định mức. Trường hợp điều chuyển, tiếp nhận thì giá xe ô tô làm căn cứ xác định tiêu chuẩn, định mức là giá trị còn lại của xe ô tô.

5. Xe ô tô trang bị cho các chức danh quy định tại Điều 3 Quy chế này được thay thế khi đã sử dụng vượt quá thời gian theo chế độ quy định hoặc sử dụng ít nhất 250.000 km (đối với địa bàn miền núi, vùng đặc biệt khó khăn là 200.000 km) mà không thể tiếp tục sử dụng hoặc bị hư hỏng mà không đảm bảo an toàn khi vận hành theo kiểm định của cơ quan có chức năng. Xe ô tô thay thế được xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

6. Việc mua xe ô tô quy định tại Quy chế này thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về mua sắm tài sản nhà nước và chỉ được mua sắm khi đã được bố trí trong dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

## **Chương II** **QUY ĐỊNH VỀ TRANG BỊ, BỐ TRÍ SỬ DỤNG,** **SỬA CHỮA, BẢO DƯỠNG, XỬ LÝ XE Ô TÔ**

**Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức trang bị, bố trí xe ô tô phục vụ công tác.**

1. Bí thư Tỉnh ủy được sử dụng thường xuyên trong thời gian công tác một xe ô tô với giá mua tối đa 1.100 triệu đồng/một xe.

2. Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh chuyên trách được sử dụng xe ô tô để đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc và đi công tác với mức giá mua xe tối đa 920 triệu đồng/ một xe.



3. Đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,7 trở lên (không kể kiêm nhiệm) được trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung để đưa đón cán bộ đi công tác (không đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc) từ nguồn xe điều chuyển hoặc mua mới với giá mua tối đa 720 triệu đồng/xe; cụ thể:

- Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Tỉnh ủy, HĐND và Ủy ban nhân dân tỉnh (Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các Sở, Ban, ngành và các tổ chức tương đương); Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy; Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố được trang bị tối đa 02 xe ô tô/01 đơn vị.

- Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các Sở, Ban, ngành có chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,7 trở lên (không kể kiêm nhiệm) được trang bị tối đa 01 xe ô tô/01 đơn vị.

4. Đối với Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước được trang bị xe ô tô phục vụ công tác theo quy định sau:

a. Ban Quản lý dự án có chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,7 trở lên (không kể kiêm nhiệm) được trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

b. Ban Quản lý dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) hoặc vốn viện trợ nước ngoài, việc mua sắm xe ô tô phục vụ hoạt động của dự án thực hiện theo quy định của Hiệp định đã được ký kết hoặc văn kiện dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Trường hợp Hiệp định đã được ký kết hoặc văn kiện dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt không ghi cụ thể số lượng, giá mua xe và chủng loại xe; căn cứ đối tượng sử dụng xe, Ban Quản lý dự án thực hiện việc trang bị theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định này.

c. Khi dự án kết thúc, xe ô tô trang bị phục vụ công tác quản lý dự án của Ban Quản lý dự án phải bàn giao cho Sở Tài chính quản lý để xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

5. Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án cần thiết mua xe từ 12 đến 16 chỗ ngồi để thực hiện nhiệm vụ hoặc xe ô tô 2 cầu do thường xuyên phải đi công tác tại địa bàn các huyện miền núi, vùng sâu, vùng đặc biệt khó khăn thì giá mua xe tối đa là 1.040 triệu đồng/xe.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc mua xe ô tô quy định tại Điều 3 Quy chế này đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc tỉnh quản lý.

**Điều 4. Trang bị bố trí xe ô tô chuyên dùng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án.**

1. Xe ô tô chuyên dùng bao gồm:

a. Xe gắn kèm trang thiết bị chuyên dùng hoặc có cấu tạo đặc biệt theo yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ gồm: xe cứu thương, xe cứu hỏa, xe chuyên dùng chở tiền, xe chở phạm nhân, xe quét đường, xe phun nước, xe chở rác, xe ép rác,



xe sửa chữa lưu động, xe trang bị phòng thí nghiệm, xe thu phát điện báo, xe phát thanh truyền hình lưu động, xe sửa chữa điện, xe kéo, xe cần cầu, xe tập lái, xe phục vụ thông tin liên lạc, xe phục vụ ứng phó sự cố môi trường...

b. Xe sử dụng cho nhiệm vụ đặc thù phục vụ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị - xã hội là xe không gắn kèm trang thiết bị chuyên dùng hoặc có cấu tạo đặc biệt theo yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ nhưng được sử dụng phục vụ cho nhiệm vụ đặc thù của ngành, lĩnh vực gồm: xe chỉ đạo phòng chống lụt bão, xe tìm kiếm cứu nạn, xe kiểm lâm, xe thanh tra giao thông, xe thanh tra môi trường, xe thanh tra xây dựng, xe quan trắc môi trường, xe quản lý thị trường, xe hộ đê, xe chở học sinh, sinh viên, xe chở diễn viên đi biểu diễn, xe chở vận động viên đi luyện tập và thi đấu, xe thu thập thông tin phục vụ xuất bản báo và phát thanh truyền hình, xe thông tin tuyên truyền lưu động,...

## 2. Giá mua xe ô tô chuyên dùng.

a. Đối với xe ô tô chuyên dùng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này hoặc xe ô tô từ 16 chỗ ngồi trở lên để phục vụ nhiệm vụ đặc thù quy định tại điểm b khoản 1 Điều này là giá bán xe trên thị trường tại thời điểm mua sắm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

b. Đối với xe ô tô chuyên dùng không thuộc quy định tại điểm a khoản này, giá mua xe thực hiện như đối với xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại khoản 3, Điều 3 Quy chế này.

3. Xe ô tô chuyên dùng được thanh lý khi đã quá thời gian sử dụng theo quy định mà không thể tiếp tục sử dụng được hoặc đã bị hư hỏng nhưng việc sửa chữa để tiếp tục sử dụng không hiệu quả, không đảm bảo an toàn khi vận hành theo kiểm định của cơ quan có chức năng.

Số tiền thu được từ thanh lý xe ô tô chuyên dùng sau khi trừ các chi phí liên quan theo quy định được nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Riêng đối với đơn vị sự nghiệp công lập được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị.

4. Căn cứ dự toán ngân sách được duyệt hàng năm và định mức xe ô tô chuyên dùng được quy định tại Quy chế này, Quyết định của UBND tỉnh Vĩnh Phúc quy định số lượng, chủng loại xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, đơn vị thuộc địa phương quản lý và các quy định pháp luật có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc mua sắm, trang bị xe ô tô chuyên dùng cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc tỉnh quản lý.

## Điều 5. Trang bị xe ô tô tại Công ty nhà nước.

Căn cứ nhu cầu phục vụ công tác và khả năng tài chính, công ty nhà nước trang bị xe ô tô phục vụ công tác cho các chức danh lãnh đạo và phục vụ công tác chung theo quy định sau:

1. Xe ô tô phục vụ công tác chung tại Công ty nhà nước được trang bị tối đa 02 xe với giá mua tối đa 720 triệu đồng/xe để phục vụ cho các chức danh khi đi công tác (không đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc); gồm: Chủ tịch Công ty;



Ủy viên (thành viên) Hội đồng thành viên; Giám đốc, Phó giám đốc các Công ty nhà nước và các chức danh tương đương.

Trường hợp cần thiết mua xe từ 12 đến 16 chỗ ngồi để thực hiện nhiệm vụ được giao hoặc cần thiết mua xe ô tô 2 cầu do thường xuyên phải đi công tác tại địa bàn các huyện miền núi, vùng sâu, vùng đặc biệt khó khăn thì giá mua xe tối đa là 1.040 triệu đồng/xe.

2. Việc trang bị, thay thế xe ô tô quy định tại Khoản 1 Điều này do Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty quyết định theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

3. Đối với xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ của Công ty nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

**Điều 6. Quản lý, sử dụng số xe ô tô tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án, Công ty nhà nước.**

1. UBND tỉnh giao cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án, Công ty nhà nước trực tiếp quản lý để bố trí xe ô tô phục vụ công tác cho các chức danh có tiêu chuẩn quy định tại Quy chế này.

2. Sử dụng xe ô tô của cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án để phục vụ công tác cho các chức danh có tiêu chuẩn như sau:

a. Đối với Tỉnh ủy, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh:

+ Giao Văn phòng làm đầu mối thực hiện quản lý toàn bộ số xe ô tô được trang bị để bố trí cho các chức danh sử dụng thường xuyên trong thời gian công tác và đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc, đi công tác theo quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều 3 Quy chế này.

+ Trường hợp các đơn vị hạch toán độc lập thuộc Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô để bố trí cho các chức danh có tiêu chuẩn khi đi công tác thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 Quy chế này.

b. Đối với các Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy; Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố giao Văn phòng trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô để bố trí cho các chức danh có tiêu chuẩn khi đi công tác thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 Quy chế này.

c. Đối với các Sở, Ban, ngành và các tổ chức tương đương thủ trưởng cơ quan thực hiện:

+ Giao Văn phòng (hoặc Phòng hành chính) của Sở, Ban, ngành và các tổ chức tương đương quản lý số xe ô tô để bố trí cho các chức danh có tiêu chuẩn khi đi công tác theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 Quy chế này.

+ Trường hợp các đơn vị hạch toán độc lập thuộc Sở, Ban, ngành và các tổ chức tương đương trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô để bố trí cho các chức danh có tiêu chuẩn khi đi công tác thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 Quy chế này.



**Điều 7. Bố trí xe ô tô phục vụ công tác chung để đưa đón cán bộ đi công tác.**

Việc bố trí xe ô tô phục vụ công tác chung cho các chức danh quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 3 do các cơ quan, đơn vị quyết định cho phù hợp và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ hoặc quy chế quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Trường hợp các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô công tự nguyện đăng ký tự túc phương tiện thì được khoán kinh phí sử dụng xe ô tô công theo quy định.

Trường hợp do yêu cầu công tác, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, ban quản lý dự án xem xét, quyết định việc bố trí xe ô tô các trường hợp không đủ tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô khi đi công tác.

**Điều 8. Thuê dịch vụ xe ô tô.**

Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án quyết định việc thuê dịch vụ xe ô tô phục vụ công tác cho các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô. Giá thuê xe là đơn giá bình quân của phương tiện vận tải công cộng trên địa bàn. Việc thuê dịch vụ xe ô tô thực hiện theo quy định pháp luật về đấu thầu

**Điều 9. Khoán kinh phí sử dụng xe ô tô.**

1. Trường hợp các chức danh quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy chế này tự nguyện đăng ký thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô được thực hiện như sau:

a. Việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô theo từng công đoạn:

- Đưa đón hàng ngày từ nơi ở đến nơi làm việc;
- Khi đi công tác;
- Đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc và đi công tác.

b. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô cho chức danh theo từng công đoạn. Số tiền khoán được chi trả cùng với kỳ trả lương của đơn vị cho từng chức danh đã đăng ký thực hiện khoán.

c. Đơn giá khoán là đơn giá bình quân của phương tiện vận tải công cộng (đơn giá của các hãng xe taxi phổ biến trên thị trường) tại địa phương.

d. Mức khoán kinh phí được xác định như sau:

d.1. Trường hợp khoán kinh phí đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc hàng ngày, mức khoán được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức khoán} \\ \text{đưa đón} \\ \text{(MKđđ)} \\ \text{(đồng/tháng)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{khoán} \\ \text{(đồng/km)} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Số km} \\ \text{khoán} \\ \text{(km)} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{02} \\ \text{lượt} \\ \text{(lượt)} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Số ngày thực} \\ \text{tế đưa đón từ} \\ \text{nơi ở đến nơi} \\ \text{làm việc} \\ \text{(ngày)} \end{array}$$

Trong đó:



- Số km khoán là khoảng cách thực tế từ nhà ở đến nơi làm việc của từng chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe đưa đón, do Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án xác định;

- 02 lượt: bao gồm 01 lượt đi và 01 lượt về trong một ngày làm việc;

- Số ngày thực tế đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc không bao gồm số ngày đi công tác.

d.2. Trường hợp khoán kinh phí khi đi công tác, mức khoán được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức khoán đi} \\ \text{công tác (MKct)} \\ \text{(đồng/tháng)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{khoán} \\ \text{(đồng/km)} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Khoảng cách thực tế đi công tác} \\ \text{hàng tháng của từng chức danh} \\ \text{(km)} \end{array}$$

Trong đó: Khoảng cách thực tế đi công tác là số km thực tế đi công tác hàng tháng của từng chức danh được xác định trên cơ sở lịch trình công tác thực tế của chức danh được Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án xác nhận.

d.3. Trường hợp khoán toàn bộ kinh phí (bao gồm: cả công đoạn đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc và công đoạn khi đi công tác), mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức khoán toàn bộ} \\ \text{(MK tb)} \\ \text{(đồng/tháng)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{MKđđ} \\ \text{(đồng/tháng)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{MKct} \\ \text{(đồng/tháng)} \end{array}$$

2. Trường hợp các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô khi đi công tác theo quy định tại Quy chế này tự nguyện đăng ký thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô khi đi công tác: Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án quyết định việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô khi đi công tác cho từng chức danh; mức khoán kinh phí thực hiện theo quy định tại điểm b, điểm c và điểm d (d.2) khoản 1 Điều này.

3. Nguồn kinh phí thực hiện khoán được sử dụng trong dự toán chi hàng năm do cấp có thẩm quyền giao hoặc trong nguồn kinh phí chi Ban Quản lý dự án do cấp có thẩm quyền xét duyệt.

4. Đối với các chức danh có đủ tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô tại công ty nhà nước quy định tại Điều 6 tự nguyện thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô:

a. Việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô theo từng công đoạn thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

b. Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty nhà nước xem xét, quyết định việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô đối với các chức danh này.

c. Đơn giá khoán và mức khoán kinh phí thực hiện theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này.

5. Đơn giá khoán: Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông xác định và thông báo làm cơ sở cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án, công ty nhà nước thực hiện. Khi đơn giá bình quân của phương tiện vận tải



công cộng trên thị trường tăng, giảm trên 20% so với đơn giá khoán đã thông báo, Sở Tài chính thực hiện điều chỉnh cho phù hợp.

**Điều 10. Quy định về sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô (xe ô tô phục vụ chức danh, phục vụ công tác chung và xe chuyên dùng).**

1. Khuyến khích việc bảo dưỡng xe ô tô theo khuyến cáo của từng hãng xe (nhà sản xuất); việc sửa chữa nhỏ xe ô tô phải căn cứ vào thời gian sử dụng, số km vận hành, tình trạng thực tế của từng xe ô tô, các cơ quan, đơn vị, Ban Quản lý dự án... quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ hoặc quy chế quản lý sử dụng tài sản nhà nước.

2. Việc sửa chữa vừa và sửa chữa lớn cần có kế hoạch đối với từng xe, căn cứ vào tình trạng của xe, mức độ hỏng hóc, kết quả kiểm định của cơ quan có chức năng lần gần nhất và báo giá của ít nhất 02 cơ sở sửa chữa (gara) về chi phí sửa chữa, lập dự toán kinh phí sửa chữa trình lãnh đạo đơn vị xét duyệt trước khi tiến hành sửa chữa.

3. Trong trường hợp hỏng đột xuất, lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án, công ty nhà nước xem xét quyết định việc sửa chữa, khắc phục cho phù hợp và chịu trách nhiệm với quyết định của mình.

4. Nguồn kinh phí thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa sử dụng trong dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền giao hàng năm. Thực hiện công khai kinh phí sửa chữa của từng xe cùng với việc công khai sử dụng nguồn kinh phí được giao hàng năm theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

5. Đối với trường hợp xe ô tô phải sửa chữa do tai nạn hoặc thiên tai: Sau khi phối hợp với các cơ quan chức năng xác định rõ trách nhiệm của các bên có liên quan; Lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án xem xét quyết định sửa chữa xe ô tô trên cơ sở quy rõ trách nhiệm cá nhân hoặc tập thể phải chịu chi phí sửa chữa, sau khi đã trừ chi phí do tổ chức bảo hiểm chi trả (nếu có).

### **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 11. Trách nhiệm của Sở Tài chính; các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án và công ty nhà nước.**

**1. Trách nhiệm của Sở Tài chính.**

a. Phối hợp với Sở Giao thông - Vận tải thông báo đơn giá khoán trên địa bàn theo quy định tại Điều 9 Quy chế này;

b. Thực hiện rà soát, sắp xếp lại số xe ô tô theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và quy định tại Điều 6 Thông tư 159/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính;

c. Kiểm tra việc mua sắm, trang bị, quản lý và sử dụng xe ô tô phục vụ công tác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án, công ty nhà nước thuộc phạm vi quản lý; phát hiện, báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý kịp thời các



sai phạm theo quy định tại Điều 20 Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg và quy định tại Điều 12 quy chế này;

**2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án và công ty nhà nước.**

a. Thực hiện việc bố trí, sử dụng xe ô tô theo đúng tiêu chuẩn, định mức tại Quy chế này.

b. Xây dựng định mức tiêu hao nhiên liệu đối với từng xe ô tô; theo dõi chi phí sử dụng thực tế đối với từng xe bao gồm: tiền lương lái xe, chi phí nhiên liệu, chi phí sửa chữa xe (bao gồm cả chi phí sửa chữa lớn được phân bổ hợp lý) và các chi phí liên quan đến vận hành, sử dụng xe ô tô theo quy định. Căn cứ định mức tiêu hao nhiên liệu, chi phí sử dụng thực tế của xe ô tô, giá cho thuê xe ô tô trên thị trường và đơn giá khoán xe ô tô quy định tại Quy chế này để xây dựng Quy chế quản lý, sử dụng xe ô tô theo quy định tại đơn vị.

c. Thực hiện công khai việc quản lý, bố trí và sử dụng ô tô tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án, công ty nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

**Điều 12. Xử lý vi phạm trong việc mua sắm trang bị, quản lý, sử dụng xe ô tô.**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm đối với việc mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án và công ty nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Người ra quyết định mua sắm xe ô tô không đúng thẩm quyền, không đúng tiêu chuẩn, định mức, chủng loại phải bồi thường thiệt hại và tùy theo mức độ vi phạm bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

3. Đối với việc quản lý, sử dụng xe ô tô không đúng quy định, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân liên quan phải chịu trách nhiệm; tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm và mức thiệt hại mà phải bồi thường thiệt hại, đồng thời bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

4. Xe ô tô mua không đúng tiêu chuẩn, vượt giá quy định, vượt định mức bị thu hồi để xử lý theo quy định của pháp luật về tài sản nhà nước.

**Điều 13. Tổ chức thực hiện.**

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án, Công ty nhà nước và UBND cấp huyện, có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định tại Quy chế này và những quy định tại Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 4/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 159/2015/TT-BTC ngày 15/10/2015 của Bộ Tài chính; Quyết định của UBND tỉnh quy định số lượng, chủng loại xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, đơn vị thuộc địa phương quản lý và các quy định pháp luật có liên quan.



Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án phản ánh về UBND tỉnh (thông qua Sở Tài chính) để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. *MS*

*AN*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Duy Thành**

[www.LuatVietnam.vn](http://www.LuatVietnam.vn)